

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 12 tháng 4 năm 2021

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1). Bà Huỳnh Thị Tỏ

2). Bà Nguyễn Thị Loan

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 515/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2021/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc TH, sinh năm xxxx (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện G, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Thanh T, sinh năm: xxxx (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, Tiền Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc TH trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2007, chị và anh Hà Thanh T qua mai mối, tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi cưới, vợ chồng ra riêng chung sống và sau đó thì về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên ăn nhậu về nhà kiểng chuyện chửi bới chị, khi chị có ý kiến thì đánh chị, có nhiều lần đánh chị đến ngất xỉu rồi bỏ mặc chị, mẹ chồng thường hay nói xấu chị với anh T, xúi giục anh T ly hôn với chị để lấy vợ khác. Chị đã khuyên can, hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ tháng 11 năm 2020, vợ chồng anh chị không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hà Thanh T

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Thị Y, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Hiện con chung đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

\* Anh Hà Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất nguyên nhân, điều kiện tiến đến hôn nhân và nơi vợ chồng chung sống.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì làm trầm trọng, còn việc vợ mâu thuẫn với mẹ ruột anh, anh chỉ nghe chị TH nói lại, anh không có ý kiến gì.

- Về con chung: Vợ chồng 01 con chung tên Hà Thị Y, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống chung với chị TH. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý theo nguyện vọng của con. Nếu con muốn sống với chị TH, anh đồng ý, anh làm có thu nhập khả năng bao nhiêu thì anh cho con anh.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T tham dự phiên tòa (lần 2) nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do.

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Ngọc TH khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Hà Thanh T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, chị TH có mặt, anh T đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Ngọc TH và anh Hà Thanh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng kết hôn số 10/HT, quyển số 01/2007, ngày 06 tháng 8 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn do anh T thường xuyên ăn nhậu về nhà kiêu chuyện đánh chửi chị nhiều lần, không chịu làm ăn lo cho vợ con. Từ tháng 11 năm 2020 vợ chồng anh chị không còn chung sống cho tới nay. Nay tình cảm không còn nên chị TH yêu cầu được ly hôn với anh Hà Thanh T.

- Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị TH và anh T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh T có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên ăn nhậu, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị không còn chung sống với nhau nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị TH xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham dự phiên tòa và có ý kiến về việc chị TH xin ly hôn nhưng anh vẫn không quan tâm đến đời sống hôn nhân của mình để mặc cho mâu thuẫn kéo dài nên cần chấp nhận lời trình bày của chị TH là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Thị Y, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị TH về việc nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng và điều kiện sống hiện nay của con chung và quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T do chị TH chưa có yêu cầu. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Chị TH phải nộp án phí theo quy định.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Ngọc TH và anh Hà Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hà Thị Y, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx cho chị Huỳnh Thị Ngọc TH được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Anh Hà Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc TH nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018394 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị TH đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận**

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã K, huyện G;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Vũ**